BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

(CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ)

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

Trang

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC 3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH 3
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 4
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT 4
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC 9
LỚP 6 9
LỚP 7 36
LỚP 8 40
LỚP 9 43
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC 52
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC 54
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 55

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở là môn học có vai trò quan trọng đối với việc hình thành, phát triển cho học sinh các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung và năng lực khoa học với biểu hiện đặc thù là năng lực lịch sử, năng lực địa lí; tạo tiền đề học sinh tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia đời sống lao động, trở thành những công dân có ích.

Lịch sử và Địa lí là môn học bắt buộc, được dạy học từ lớp 6 đến lớp 9. Môn học gồm các nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số chủ đề liên môn, đồng thời lồng ghép, tích hợp kiến thức ở mức độ đơn giản về kinh tế, văn hoá, khoa học, tôn giáo,... Các mạch kiến thức lịch sử và địa lí được kết nối với nhau nhằm soi sáng và hỗ trợ lẫn nhau. Ngoài ra, môn học có thêm một số chủ đề mang tính tích hợp, như: bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; đô thị – lịch sử và hiện tại; văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; các cuộc đại phát kiến địa lí,...

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở tuân thủ các quy định trong Chương trình tổng thể, đồng thời nhấn mạnh một số quan điểm sau:

1. Chương trình hướng tới hình thành, phát triển ở học sinh tư duy khoa học, nhìn nhận thế giới như một chỉnh thể theo cả chiều không gian và chiều thời gian trên cơ sở những kiến thức cơ bản, các công cụ học tập và nghiên cứu lịch sử, địa lí; từ đó, hình thành và phát triển các năng lực đặc thù và năng lực chung, đặc biệt là khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn và khả năng sáng tạo.

2. Chương trình kế thừa, phát huy ưu điểm của môn Lịch sử và môn Địa lí trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và tiếp thu kinh nghiệm phát triển chương trình môn học của các nước tiên tiến trên thế giới. Nội dung môn học bảo đảm trang bị cho học sinh tri thức phổ thông nền tảng, toàn diện, khoa học; phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí và trình độ nhận thức của học sinh, có tính đến các điều kiện dạy học của nhà trường Việt Nam.

3. Nội dung giáo dục lịch sử được thiết kế theo tuyến tính thời gian, từ thời nguyên thuỷ qua cổ đại, trung đại đến cận đại và hiện đại; trong từng thời kì có sự đan xen lịch sử thế giới, lịch sử khu vực và lịch sử Việt Nam. Mạch nội dung giáo

dục Địa lí đi từ địa lí đại cương đến địa lí khu vực và địa lí Việt Nam. Chú trọng lựa chọn các chủ đề, kết nối kiến thức và kĩ năng để hình thành và phát triển năng lực ở học sinh, đồng thời coi trọng đặc trưng khoa học lịch sử và khoa học địa lí.

4. Chương trình chú trọng vận dụng các phương pháp giáo dục tích cực, nhấn mạnh việc sử dụng các phương tiện dạy học, đa dạng hoá hình thức dạy học và đánh giá kết quả giáo dục nhằm hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực ở học sinh.

5. Chương trình bảo đảm liên thông với chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học và chương trình môn Lịch sử, chương trình môn Địa lí cấp trung học phổ thông; thống nhất, kết nối chặt chẽ giữa các lớp học, cấp học và các môn học, hoạt động giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông.

6. Chương trình có tính mở, cho phép thực hiện mềm dẻo, linh hoạt tuỳ theo điều kiện của địa phương, đối tượng học sinh (học sinh vùng khó khăn, học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt,...).

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.

Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở hình thành, phát triển ở học sinh năng lực lịch sử và năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử, địa lí thế giới, quốc gia và địa phương; các quá trình tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp học sinh biết cách sử dụng các công cụ của khoa học lịch sử, khoa học địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá nhân loại, khơi dậy ở học sinh ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở hình thành và phát triển ở học sinh năng lực lịch sử, năng lực địa lí với các biểu hiện được trình bày trong bảng sau:

a) Năng lực lịch sử

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
TÌM HIỂU LỊCH SỬ	– Nhận diện được các loại tư liệu, giá trị của tư liệu lịch sử trong học tập lịch sử. – Khai thác và sử dụng được thông tin của một số loại tư liệu lịch sử trong học tập lịch sử. – Trình bày được những nét chính của các sự kiện và quá trình lịch sử cơ bản về bối cảnh lịch sử, diễn biến, thời gian, địa điểm, kết quả, ý nghĩa, bài học kinh nghiệm. - Biết sử dụng sơ đồ, lược đồ, bản đồ lịch sử,...trong học tập.
NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY LỊCH SỬ	– Giải thích được mối quan hệ tác động các nhân tố đến các sự kiện, hiện tượng, nhân vật, quá trình lịch sử. - Phân tích được các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử, nguyên nhân, ý nghĩa của các nội dung và sự kiện lịch sử… - So sánh được bối cảnh, nội dung, quá trình lịch sử … trong học tập. - Nhận xét được về sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử,... trong học tập.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	- Rút ra được bài học lịch sử và vận dụng được kiến thức lịch sử đã học để lí giải những vấn đề trong học tập và thực tiễn cuộc sống. – Vận dụng được kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn và các vấn đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới.

b) Năng lực địa lí

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ	***Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian*** – Định hướng không gian: biết sử dụng các phương tiện khác nhau, đặc biệt là địa bàn để xác định chính xác phương hướng; biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ; biết phân tích phạm vi, quy mô của một lãnh thổ. – Phân tích vị trí địa lí: biết phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các quá trình tự nhiên và kinh tế – xã hội. – Phân tích sự phân bố: mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí. – Diễn đạt nhận thức không gian: sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng được lược đồ để diễn tả mối quan hệ không gian giữa các hiện tượng, sự vật địa lí; mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế. Từ đó hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt địa phương này với địa phương khác.
	Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội) – Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên + Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất; mô tả được sự phân hoá của thiên nhiên các châu lục; mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam; giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên Việt Nam. + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên. + Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống. – Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội + Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hoá; giải

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
	thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hoá đó qua một ví dụ cụ thể. + Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế. + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội. + Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế – xã hội. – Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất + Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục. + Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam. – Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên + Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
TÌM HIỂU ĐỊA LÍ	***Sử dụng các công cụ của địa lí học*** – Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn; biết đặt tiêu đề, chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về địa lí Việt Nam. – Sử dụng bản đồ: nêu được các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỉ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỉ lệ bản đồ để xác

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
	định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình. – Tính toán, thống kê: kể được tên được một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên; vận dụng được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế. – Phân tích biểu đồ, sơ đồ: biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản.
	Tổ chức học tập ở thực địa Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật kí thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa.
	Khai thác Internet phục vụ môn học Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được giáo viên giới thiệu; biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kĩ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	***Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế*** Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí. ***Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn*** Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn; có

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
	khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng. Mức độ tích hợp được thể hiện ở ba cấp độ: tích hợp nội môn (trong từng nội dung giáo dục lịch sử và giáo dục địa lí); tích hợp nội dung lịch sử trong những phần phù hợp của bài Địa lí và tích hợp nội dung địa lí trong những phần phù hợp của bài Lịch sử; tích hợp theo các chủ đề chung.

Mạch nội dung của phân môn Lịch sử được sắp xếp theo logic thời gian lịch sử từ thời nguyên thuỷ, qua cổ đại, trung đại, đến cận đại và hiện đại. Trong từng thời kì, không gian lịch sử được tái hiện từ lịch sử thế giới, khu vực đến Việt Nam để đối chiếu, lí giải, làm sáng rõ những vấn đề lịch sử.

Mạch nội dung của phân môn Địa lí được sắp xếp theo logic không gian là chủ đạo, đi từ địa lí tự nhiên đại cương đến địa lí các châu lục, sau đó tập trung vào các nội dung của địa lí tự nhiên Việt Nam, địa lí dân cư và địa lí kinh tế Việt Nam.

Mặc dù hai mạch nội dung được sắp xếp theo logic khác nhau, nhưng nhiều nội dung dạy học liên quan được bố trí gần nhau để hỗ trợ nhau. Bốn chủ đề chung mang tính tích hợp cao được phân phối phù hợp với mạch nội dung chính của mỗi lớp.

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

2.1. Phân môn Lịch sử

a) Mạch nội dung

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?	x			
THỜI NGUYÊN THUỶ	x			

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
XÃ HỘI CỔ ĐẠI	x			
ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X	x			
VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X	x	x		
TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI		x		
TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX		x		
ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX		x		
ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI		x		
VIỆT NAM GIỮA THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI		x		
ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI (1)		x		
CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII			x	
ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX			x	
VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII			x	
CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX			x	
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KĨ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KỈ XVIII – XIX			x	
CHÂU Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX			x	
VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX			x	
VĂN MINH CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (1)			x	
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945				x
VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945				x

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991				x
VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975				x
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY				x
VIỆT NAM TỪ 1976 ĐẾN NAY				x
CÁCH MẠNG KHOA HỌC KĨ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ				x
ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI (2)				x
BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (2)				x

b) Nội dung và yêu cầu cần đạt ở các lớp

LỚP 6

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?	
– Lịch sử là gì?	– Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. – Giải thích được sự cần thiết phải học môn Lịch sử.
– Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?	– Nhận diện được các nguồn tư liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu trong học tập lịch sử.
– Thời gian trong lịch sử	– Nêu được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...
THỜI NGUYÊN THUỶ	
– Nguồn gốc loài người	– Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Xã hội nguyên thuỷ – Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp	người trên Trái Đất. – Nêu được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á. – Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. – Nêu được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ. – Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thuỷ (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...). – Nêu được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người. – Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp. – Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp. – Giải thích được vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã. – Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun).
XÃ HỘI CỔ ĐẠI	
– Ai Cập và Lưỡng Hà	– Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập cổ đại và Lưỡng Hà cổ đại. – Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà cổ đại. – Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	cổ đại.
– Ấn Độ	– Trình bày được điều kiện tự nhiên và ảnh hưởng của nó đến sự ra đời của Ấn Độ thời cổ đại – Nêu được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ cổ đại. – Trình được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ thời cổ đại.
– Trung Quốc:	– Trình bày được điều kiện tự nhiên và ảnh hưởng của nó đến sự ra đời của Trung Quốc thời cổ đại. - Vẽ được trục thời gian các giai đoạn phát triển của Trung Quốc thời cổ đại. – Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn hoá Trung Quốc thời cổ đại.
– Hy Lạp và La Mã	– Nêu được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại. – Nêu được tổ chức nhà nước thành bang Hy Lạp, nhà nước đế chế ở La Mã cổ đại. – Trình bày được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp thời cổ đại, La Mã thời cổ đại.
ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X	
– Khái lược về khu vực Đông Nam Á	– Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á - Thành tựu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X	– Trình bày sơ lược quá trình xuất hiện các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. – Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á. - Trình bày được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.
VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X	
– Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc + Nhà nước Văn Lang + Nhà nước Âu Lạc – Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc từ thế kỉ II trước Công nguyên đến năm 938 + Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc + Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội, văn hoá trong thời kì Bắc thuộc + Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc	– Trình bày được sự thành lập và tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc. – Nêu được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. – Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. – Trình bày được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. – Nêu được nguyên nhân, nét chính diễn biến, kết quả, ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng. – Trình được những nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ bản sắc văn

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	hoá dân tộc của Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.
+ Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X	– Trình bày được những nét chính các cuộc vận động giành quyền tự chủ của họ Khúc và họ Dương. Kết quả, ý nghĩa. – Trình bày được nét chính diễn biến, kết quả, ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng năm 938. Nhận xét được nét độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.
– Vương quốc Champa	– Nêu được sự thành lập, quá trình phát triển của Vương quốc Champa. – Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Vương quốc Champa. – Nêu được một số thành tựu văn hoá của Vương quốc Champa.
– Vương quốc Phù Nam	– Nêu được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam. – Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Vương quốc Phù Nam. – Trình bày được một số thành tựu văn hoá của Vương quốc Phù Nam.

LỚP 7

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	
– Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu	– Nêu được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	– Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu. – Trình bày sự ra đời, nét cơ bản của thành thị trung đại.
– Các cuộc phát kiến lớn về địa lí	– Trình bày nguyên nhân, điều kiện của các cuộc phát kiến lớn về địa lí. - Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến lớn về địa lí trên thế giới.
– Văn <u>hoá Phục hưng</u>	– Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng. – Nêu được ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.
– Cải cách tôn giáo	– Giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo. – Trình bày được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo. <u>– Phân tích được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.</u>
– Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại	– Trình bày được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.
<u>TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX</u>	
– Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế	<u>– Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ III</u>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
kỉ III TCN đến giữa thế kỉ XIX – Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ III TCN đến giữa thế kỉ XIX	TCN đến giữa thế kỉ XIX (các thời Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh). – Nêu được biểu hiện về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường. – Nêu được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh. – Trình bày và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ III TCN đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, văn học, sử học, kiến trúc,...).
ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX	
– Vương triều Gúp – ta – Vương triều Hồi giáo Đê -li – Đế quốc Mô-gôn	– Trình bày được khái quát sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gúp-ta, vương triều Hồi giáo Đê -li và đế quốc Mô -gôn – Trình bày và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.
ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI	
– Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI	– Trình bày được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. – Nêu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.
– Vương quốc Campuchia	– Trình bày khái quát quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia. – Nêu được những biểu hiện sự phát triển thinh vượng của Vương quốc

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Vương quốc Lào	Cam-pu-chia thời Ăng - co. – Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia. – Trình bày khái quát quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào. – Nêu được những biểu hiện sự phát triển thịnh vượng của Vương quốc Lào thời Lan - Xang. – Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.
VIỆT NAM GIỮA THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI	
– Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009: thời Ngô – Đinh – Tiền Lê	– Nêu được những nét chính về thời Ngô. – Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh. – Trình bày được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981. – Nêu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê. – Nêu được nét chính về kinh tế, đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.
– Việt Nam từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIII: thời Lý	– Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn. – Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	giáo thời Lý. – Trình bày được nét chính của cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077) và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến. - Phân tích được những nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077).
– Việt Nam từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XV: thời Trần, Hồ	
+ Thời Trần	– Trình bày được sự thành lập nhà Trần. – Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần. – Trình bày nét chính diễn biến của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. <u>- Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.</u> <u>– Trình bày được những thành tựu chủ yếu về văn hoá thời Trần. Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,...</u>
+ Thời Hồ	– Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ. – Nêu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)	– Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ. - Nêu được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ. – Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. – Nêu được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. – Trình bày được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và đánh giá vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...
– Việt Nam thời Lê sơ (1428 – 1527)	– Trình bày được sự thành lập nhà Lê sơ. – Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội thời Lê sơ. – Trình bày được sự phát triển văn hoá, giáo dục thời Lê sơ. Nêu được một số danh nhân văn hoá tiêu biểu.
– Vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	- Nêu được những nét cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

LỚP 8

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII	
– Cách mạng tư sản Anh	– Trình bày được nguyên nhân, nét chính diễn biến, kết quả, ý nghĩa,

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	đặc điểm của cách mạng tư sản Anh.
– Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.	– Trình bày được nguyên nhân, nét chính diễn biến, kết quả, ý nghĩa, đặc điểm của Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.
– Cách mạng tư sản Pháp	– Trình bày được nguyên nhân, nét chính diễn biến, kết quả, ý nghĩa, đặc điểm của Cách mạng tư sản Pháp.
– Cách mạng công nghiệp	– Trình bày được nguyên nhân và những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp. – Nhận xét được những tác động của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và đời sống.
ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX	
– Quá trình xâm lược Đông Nam Á của thực dân phương Tây	– Trình bày được những nét chính trong quá trình xâm nhập và xâm lược của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á.
– Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á	– Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây.
– Cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á	– Trình bày được những nét chính về cuộc đấu tranh của các nước Đông Nam Á chống lại ách đô hộ của thực dân phương Tây. Liên hệ với cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	Nam.
VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII	
– Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn	– Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc. – Giải thích được nguyên nhân bùng nổ, nêu được nét chính diễn biến, hệ quả của cuộc xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn.
– Những nét chính trong quá trình khai phá từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	– Trình bày được khái quát về quá trình khai phá của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.
– Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII	– Nêu được bối cảnh lịch sử, nét chính diễn biến, kết quả và ý nghĩa của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII. – Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII.
– Phong trào Tây Sơn	– Nêu được nguyên nhân bùng nổ và trình bày được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn: lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê; đánh bại quân Xiêm xâm lược (1785) và đại phá quân Thanh xâm lược (1789),... – Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn. Đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung đối với thống nhất đất nước và chống xâm lược và bước đầu xây dựng đất nước.
– Chính trị, kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII	– Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	
– Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc	– Nêu được những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc.
– Các nước Âu – Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX	– Trình bày những nét chính về Công xã Pa-ri (1871) và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nhà nước kiểu mới – nhà nước đầu tiên của giai cấp vô sản trên thế giới. – Nêu được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
– Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Marx	– Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân. – Trình bày được một số hoạt động chính của Các Mác, Ăng-ghen và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. – Trình bày được một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX (phong trào công nhân, sự ra đời và hoạt động của các Đảng và các tổ chức cộng sản,...).
– Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)	– Nêu được nguyên nhân bùng nổ, nét chính diễn biến Chiến tranh thế giới thứ nhất. – Phân tích được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) đối với lịch sử nhân loại.
– Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917	– Nêu được nguyên nhân, nét chính diễn biến và kết quả, ý nghĩa lịch sử của Cách mang tháng Mười Nga năm 1917.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KĨ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KỈ XVIII – XIX	
– Một số thành tựu khoa học, kĩ thuật trong các thế kỉ XVIII –XIX –Sự phát triển văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX	– Trình bày được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX. – Phân tích được sự phát triển văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.
CHÂU Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	
– Trung Quốc	– Nêu được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc. – Trình bày được những nét chính về Cách mạng Tân Hợi. Liên hệ tác động, ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi đối với Việt Nam.
– Nhật Bản	– Nêu được những nét chính của cuộc Duy tân Minh Trị. Liên hệ tác động, ảnh hưởng đối với Việt Nam. – Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.
– Ấn Độ	– Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.
– Đông Nam Á	– Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	
– Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX	– Nêu được sự ra đời của nhà Nguyễn.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX – Việt Nam đầu thế kỉ XX	– Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn. – Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884). – Nêu được nguyên nhân, nội dung và kết cục của các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước. – Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế. – Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đối với xã hội Việt Nam. – Trình bày được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành.

LỚP 9

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945	
– Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 – Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945	– Nêu được những nét chính về nước Nga Xô viết và sự thành lập Liên bang công hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô). – Trình bày được những thành tựu và nêu được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. – Trình bày được những nét chính về: cao trào cách mạng 1918-1923

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933; sự ra đời chủ nghĩa phát xít ở châu Âu. – Nêu được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.
– Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945	– Nêu được những nét chính về tình hình chính trị châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.
– Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)	– Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai. – Trình bày được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. – Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh chủ yếu trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.
VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945	
– Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930	– Trình bày được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930.
– Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	– Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930. – Trình bày được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình thành lập Đảng Công sản Việt Nam.
– Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939	– Trình bày được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Cách mạng tháng Tám năm 1945	đoạn 1930 – 1931 và phong trào dân chủ 1936 – 1939. – Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản. – Nêu được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; chuẩn bị về lực lượng, sự ra đời căn cứ địa. - Nêu khái quát về khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam kì và Binh biến Đô Lương và trình bày được cao trào kháng Nhật cứu nước. – Trình bày thời cơ, nét chính diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và phân tích được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991	
– Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, Liên Hợp quốc, Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)	– Nêu sự hình thành của trật tự thế giới hai cực I-an-ta. - Nêu khái quát sự hình thành của Liên hợp quốc. - Trình bày nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. - Trình bày sự sụp đổ của trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
– Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991	– Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. – Giải thích được nguyên nhân sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	ở Liên Xô và Đông Âu.
– Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991	– Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.
– Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991	– Nêu được tình hình về các nước Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991. – Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba.
– Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991	– Nêu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. – Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975	
– Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám	– Nêu được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. – Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược.
– Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954	– Nêu được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946). – Phân tích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975	lược của Đảng. – Trình bày được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự (Hoàn cảnh lịch sử, nét chính diễn biến của Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16, Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, Chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ), kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp. – Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). – Nêu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...). – Khái quát được các chiến lược chiến tranh của Mĩ thực hiện ở miền Nam, Việt Nam (1954-1975). Trình bày được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; chiến đấu chống các chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy Mậu thân 1968; Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975). – Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY	
– Trật tự thế giới mới	– Nêu được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.
– Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay	– Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay.
– Nước Mỹ từ năm 1991 đến nay	– Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.
– Châu Á từ năm 1991 đến nay	– Nêu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay. – Trình bày được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. Nhận xét được tác động sự phát triển của ASEAN đến Việt Nam.
VIỆT NAM TỪ 1976 ĐẾN NAY	
– Việt Nam trong những năm 1976 – 1985	– Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. – Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985. – Nêu được nguyên nhân, đường lối và những thành tựu tiêu biểu của

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Việt Nam từ năm 1986 đến nay	công cuộc Đổi mới đất nước từ 1986 đến nay (trên các lĩnh vực kinh tế, chính tri, xã hôi, văn hóa, quốc phòng, an ninh,…). - Đánh giá được thành tưu và han chế trong việc thưc hiên đường lối Đổi mới.
CÁCH MẠNG KHOA HỌC KĨ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ	
	– Nêu được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kĩ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam. – Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.

2.2. Phân môn Địa lí

a) Mạch nội dung

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Địa lí tự nhiên đại cương	x			
Địa lí các châu lục		x		
Địa lí tự nhiên Việt Nam			x	
Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam				x

b) Nội dung và yêu cầu cần đạt

LỚP 6

Nội dung	Yêu cầu cần đạt

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?	
– Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu	– Hiểu được tầm quan trọng của các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.
– Những điều lí thú khi học môn Địa lí	– Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí.
– Địa lí và cuộc sống	– Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.
BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT	
– Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ	– Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu; ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.
– Các yếu tố cơ bản của bản đồ	– Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ. – Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.
– Các loại bản đồ thông dụng	– Xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ và tìm đường đi trên bản đồ.
– Lược đồ trí nhớ	– Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.
TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI	
– Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời	– Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.
– Hình dạng, kích thước Trái Đất	– Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.
– Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	– Mô tả được chuyển động của Trái Đất (quanh trục và quanh

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	Mặt Trời). – Nhận biết được giờ địa phương/giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. – Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau và mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. – Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. – Xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên hoặc dùng la bàn.
CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT	
– Cấu tạo của Trái Đất	– Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.
– Các mảng kiến tạo	– Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.
– Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này	– Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân của hiện tượng này. – Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.
– Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi	–-Nêu được quá trình nội sinh và ngoại sinh. – Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.
– Các dạng địa hình chính	– Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất. – Biết đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Khoáng sản	– Kể được tên một số loại khoáng sản.
KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	
– Các tầng khí quyển. Thành phần không khí	– Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu; nêu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic.
– Các khối khí. Khí áp và gió	– Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí. – Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.
– Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu	– Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. – Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa. – Phân biệt được thời tiết và khí hậu.
– Các đới khí hậu	– Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu. – Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế. Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.
– Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó	– Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. – Trình bày được một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.
NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT	
– Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển	– Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.
– Vòng tuần hoàn nước	– Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ	– Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. – Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.
– Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển	– Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. – Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển. – Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.
– Nước ngầm và băng hà	– Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.
ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT	
– Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất	– Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.
– Các nhân tố hình thành đất	– Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.
– Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất	– Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.
– Sự sống trên hành tinh	– Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.
– Sự phân bố các đới thiên nhiên	– Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.
– Rừng nhiệt đới	– Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới. – Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN	
– Dân số thế giới – Sự phân bố dân cư thế giới	– Nêu được quy mô dân số thế giới. – Trình bày được đặc điểm và một số nhân tố ảnh hưởng đến phân bố dân cư trên thế giới. – Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.
– Con người và thiên nhiên	– Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. – Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất.
– Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững	– Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương. – Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.

LỚP 7

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CHÂU ÂU	
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.
– Đặc điểm tự nhiên	– Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu, đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga); các đới thiên nhiên.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Đặc điểm dân cư, xã hội	– Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.
– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	– Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.
– Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)	– Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.
CHÂU Á	
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Á	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.
– Đặc điểm tự nhiên	– Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.
– Đặc điểm dân cư, xã hội	– Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.
– Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á	– Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á. – Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.
– Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á	– Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore).
CHÂU PHI	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.
– Đặc điểm tự nhiên	– Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi; một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...).
– Đặc điểm dân cư, xã hội	– Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi (ví dụ: vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột quân sự,...).
– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	– Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.
– Khái quát về Cộng hoà Nam Phi	– Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.
CHÂU MỸ	
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ	– Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.
– Phát kiến ra châu Mỹ	– Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc Christopher Colombus phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502).
– Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ) – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ	***Bắc Mỹ:*** – Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên. – Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá. – Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững. – Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng. ***Trung và Nam Mỹ:*** – Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều Đông – Tây, theo chiều Bắc – Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes); đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon. – Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh. – Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng Amazon.
CHÂU ĐẠI DƯƠNG	
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương	– Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia.
– Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia	– Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia.
– Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	– Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia. – Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CHÂU NAM CỰC	
– Vị trí địa lí của châu Nam Cực – Lịch sử phát kiến châu Nam Cực – Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực. – Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực. – Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực. – Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.

LỚP 8

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM	
– Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ – Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí; phạm vi lãnh thổ nước ta và các tỉnh, thành phố. – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam.
ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM	
– Đặc điểm chung của địa hình – Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình – Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự	– Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam. – Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa. – Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
nhiên và khai thác kinh tế	với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.
– Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu	– Trình bày được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam. – Xác định trên bản đồ phân bố các loại khoáng sản chủ yếu.
ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN VIỆT NAM	
– Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng	– Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam. –Đọc được biểu đồ khí hậu của một số trạm khí tượng thủy văn. – Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam.
– Tác động của biến đổi khí hậu đối với tự nhiên Việt Nam.	– Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với một số yếu tố của tự nhiên Việt Nam. – Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.
– Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn	– Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn. – Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.
– Hồ, đầm và nước ngầm	– Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.
– Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta	– Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp. – Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta. – Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.
ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM	
– Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng	– Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.
– Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính	– Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.
– Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam	– Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp. – Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản. – Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất.
– Đặc điểm chung của sinh vật	– Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.
– Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam	– Trình bày được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.
BIỂN ĐẢO VIỆT NAM	
– Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam	– Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam. – Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam.
– Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông	– Trình bày được các khái niệm vùng nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam	– Nêu được vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. – Trình bày được các tài nguyên biển đảo và thềm lục địa Việt Nam.

LỚP 9

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM	
– Thành phần dân tộc	– Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.
– Quy mô dân số và gia tăng dân số ở các thời kì	– Trình bày được quy mô dân số và tình hình gia tăng dân số qua các thời kì – Vẽ và nhận xét được biểu đồ về quy mô dân số và gia tăng dân số.
– Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính	– Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.
– Phân bố dân cư	– Đọc bản đồ để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư.
– Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn	– Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn.
– Lao động và việc làm	– Nêu được đặc điểm nguồn lao động nước ta; trình bày được thực trạng sử dụng nguồn lao động ở nước ta. – Trình bày được thực trạng vấn đề việc làm ở nước ta; phương hướng giải quyết việc làm. – Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương.
– Chất lượng cuộc sống	– Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	cho trước.
ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ	
NÔNG, LÂM, THUỶ SẢN	
– Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản – Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản	– Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản. – Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản. – Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.
CÔNG NGHIỆP	
– Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp – Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu	– Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. – Trình bày được sự phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp chủ yếu ở nước ta. – Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. – Xác định được trên bản đồ một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.
DỊCH VỤ	
– Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ – Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	– Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. – Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch,

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Thương mại, du lịch	các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính. – Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành bưu chính viễn thông. – Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. – Phân tích số liệu thống kê về ngành thương mại hoặc du lịch.
ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ	
VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (PHÍA BẮC)	
– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	– Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	– Trình bày được đặc điểm nổi bật và thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thuỷ sản, du lịch.
– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	– Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).
– Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	– Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG	
– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	– Trình bày được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thuỷ sản; vấn đề phát triển kinh tế biển.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	– Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng. – Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.
– Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	– Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).
VÙNG BẮC TRUNG BỘ	
– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	– Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	– Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng. – Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.
– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	– Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ.
– Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	– Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). – Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ.
VÙNG NAM TRUNG BỘ (DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN)	
– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài	– Trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
nguyên thiên nhiên	mạnh và hạn chế chính.
– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	– Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc, văn hóa.
– Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	– Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu); các vấn đề môi trường trong phát triển.
VÙNG ĐÔNG NAM BỘ	
– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	– Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.
– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	– Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.
– Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng	– Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). – Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	
– Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
– Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	– Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.
– Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng	– Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.
– Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế	– Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
của vùng	mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). – Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó.
PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO	
– Biển và đảo Việt Nam	– Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ một số đảo và các tỉnh có các đảo đó.
– Phát triển tổng hợp kinh tế biển	– Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
– Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đảo	– Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

2.3. Chủ đề chung

a) Mạch nội dung

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
- Các cuộc đại phát kiến địa lí		**x**		
- Đô thị: lịch sử và hiện tại (1)		**x**	**x**	
- Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (1)			**x**	
- Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của việt nam ở biển đông (1)				

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
- Đô thị: Lịch sử và hiện tại (2) - Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (2) - Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (2)				**x** **x** **x**

b) Nội dung và yêu cầu cần đạt

LỚP 7

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ	
– Nguyên nhân của các cuộc phát kiến địa lí	– Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.
– Một số cuộc đại phát kiến địa lí	– Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).
– Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử	– Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.
ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI (1)	
– Các đô thị cổ đại và các nền văn minh cổ đại	– Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển của các đô thị cổ đại ở phương Đông và phương Tây. - Trình bày được mối quan hệ của đô thị cổ đại với các nền văn minh cổ đại.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Các thành thị trung đại châu Âu và giới thương nhân	– Nêu nguồn gốc hình thành các thành thị trung đại châu Âu. - Trình bày được vai trò của giới thương nhân với sự phát triển thành thị trung đại châu Âu.

LỚP 8

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
VĂN MINH CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (1)	
– Quá trình hình thành và phát triển châu thổ; chế độ nước của các dòng sông chính	– Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ; mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính.
– Quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự các dòng sông	– Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long.
BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (1)	
– Phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam	– Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).
– Đặc điểm môi trường và tài nguyên biển, đảo	– Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
– Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam	– Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.

LỚP 9

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI (2)	
– Các đô thị hiện đại	– Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực.
– Xu hướng đô thị hoá trên thế giới	– Nêu được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.
– Đô thị hoá ở Việt Nam; đô thị và phát triển vùng	– Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.
VĂN MINH CHÂU THỔ SÔNG HỒNG VÀ SÔNG CỬU LONG (2)	
– Văn minh các dòng sông	– Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông.
– Biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại	– Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. – Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. – Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại.
BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG (2)	
– Chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo của Việt Nam	– Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam.
– Vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam	– Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	Việt Nam ở Biển Đông. – Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

a) Đề cao vai trò chủ thể học tập của học sinh, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp học tập, năng lực tự học để học sinh có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hoá cần thiết cho bản thân.

b) Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể. Phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến đề cao vai trò chủ thể học tập của học sinh (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...). Đa dạng hoá và sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: Kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, học ngoài thực địa, học theo dự án học tập,... Chú trọng các phương pháp dạy học có tính đặc trưng môn học.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lí và có hiệu quả các thiết bị dạy học như: mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...; bản đồ, sơ đồ, các bản thống kê, so sánh,...; phim video; các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; phần mềm dạy học,... nhằm minh hoạ bài giảng của giáo và hỗ trợ các hoạt động học tập của học sinh.

2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu:

Thông qua nội dung môn học và các hoạt động thu thập, phân tích dữ liệu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa, tiếp xúc với các nhân chứng lịch sử,… hình thành và bồi dưỡng ở học sinh nhận thức và tình cảm về lịch sử nhân loại, về quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, về mối quan hệ giữa xã hội và môi trường, về sự lựa chọn các con đường phát triển của các quốc gia, về đất nước và con người Việt Nam. Từ đó, hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất yêu nước, yêu quê hương, yêu thiên nhiên; ý thức, niềm tin và hành động trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, bảo vệ di sản văn hoá nhân loại; biết yêu quý người lao động, tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau, rèn luyện sự tự tin, trung thực, khách quan.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học được hình thành, phát triển ở học sinh thông qua việc tự tổ chức, quản lí các hoạt động học tập; tự tìm kiếm, tổ chức và phân tích nguồn thông tin, tri thức bổ sung; đặt và trả lời các câu hỏi lịch sử và địa lí; thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa và trong các tình huống làm việc độc lập khác.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác được hình thành và phát triển ở học sinh thông qua việc thực hiện và phối hợp cùng các thành viên khác trong nhóm, trong lớp thực hiện những nhiệm vụ được phân công trong học tập, thảo luận, nghiên cứu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa,…

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành, phát triển ở học sinh thông qua việc thực hiện các hoạt động học tập tích cực, như: nghiên cứu tài liệu, thu thập và phân tích tư liệu, làm dự án nghiên cứu, thuyết trình, tranh luận,…

3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử, năng lực địa lí

a) Phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử

Năng lực lịch sử của học sinh được hình thành, phát triển thông qua việc tổ chức, hướng dẫn học sinh đọc hiểu, giải mã các văn bản lịch sử (kênh hình, kênh chữ, hiện vật lịch sử,...), từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức sự thật lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự tiến hoá của sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử và quá trình phát triển lịch sử; trở thành "người đóng vai lịch sử", hay "người làm lịch sử" để khám phá kiến thức lịch sử, vận dụng sáng tạo những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội Việt Nam và thế giới vào các tình huống học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Phương pháp hình thành, phát triển năng lực địa lí

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho học sinh, giáo viên lựa chọn các kiến thức thực tế tiêu biểu, sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan như mô hình, bản đồ, video clip,… để hình thành các biểu tượng địa lí;… hướng dẫn học sinh học từ thấp đến cao về các mối liên hệ và quan hệ nhân quả diễn ra trong thiên nhiên, trong xã hội và trong mối quan hệ giữa xã hội, con người và môi trường.

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho học sinh, giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia vào quá trình tìm kiếm, sắp xếp, phân tích thông tin bằng cách khai thác tri thức từ các nguồn tư liệu bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu,… kết hợp với quan sát thực địa; chú trọng phát triển tư duy không gian, với các câu hỏi: "Cái gì?", "Ở đâu?", "Như thế nào?", "Các hình mẫu không gian?", "Các đặc trưng của một địa phương, quốc gia?"; khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của học sinh đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, thái độ tích cực đối với phát triển bền vững; rèn luyện khả năng và thói quen liên hệ với thực tế địa phương, đất nước để phát triển tư duy địa lí;…

Một trong những biện pháp quan trọng nhất để học địa lí là rèn luyện kĩ năng sử dụng các công cụ học tập như: bản đồ, atlat, biểu đồ, bảng số liệu thống kê, một số ứng dụng trong điện thoại như la bàn, bản đồ chỉ đường, hệ thống định vị toàn cầu, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế,… tranh ảnh, đĩa DVD tra cứu các tài liệu đa phương thức, sách e-book,...

Các hình thức tổ chức dạy học cũng cần được đa dạng hoá: kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, trên thực địa, học theo dự án học tập,...

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Đánh giá kết quả giáo dục trong chương trình môn Lịch sử và Địa lí phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn Lịch sử và Địa lí và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh.

2. Căn cứ đánh giá là yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù lịch sử và địa lí được qui định trong Chương trình tổng thể và chương trình môn Lịch sử và Địa lí;

3. Bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của học sinh như: làm việc với bản đồ, atlat, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử hay địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

4. Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để học sinh được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

5. Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

a) Thuật ngữ lịch sử

– *Lịch sử thế giới,* hay còn gọi là lịch sử loài người, bắt đầu từ thời đại đồ đá cũ; lịch sử thế giới khác với lịch sử Trái Đất (bao gồm cả lịch sử địa chất Trái Đất và lịch sử tiến hoá sự sống trước khi có sự xuất hiện của con người).

– *Nguyên thuỷ* là thời kì đầu tiên của xã hội, bắt đầu từ khi con người và xã hội xuất hiện đến lúc xã hội phân chia thành giai cấp và nhà nước ra đời. Đặc trưng của thời kì này là việc chiếm hữu chung về tư liệu sản xuất, mọi người cùng làm cùng hưởng, trình độ sản xuất thấp, không có của cải dư thừa, không có giai cấp, không có chế độ bóc lột, không có nhà nước,...

– *Cổ đại* là thuật ngữ chỉ thời kì lịch sử trước thời trung đại. Điểm khởi đầu thời cổ đại thay đổi theo cách hiểu khác nhau về khái niệm lịch sử: có thể là từ khi xuất hiện loài người (nếu cho rằng từ lúc đó đã là lịch sử) hoặc từ khi có chữ viết (nếu cho rằng trước đó mới chỉ là thời tiền sử và sơ sử). Nhiều ý kiến coi mốc kết thúc của thời cổ đại trên phạm vi thế giới là sự sụp đổ của đế quốc La Mã (khoảng năm 476). Ngày nay, cổ đại thường được quan niệm một cách mềm dẻo hơn. Đó là thời đại của các quốc gia đầu tiên (theo chế độ chuyên chế cổ đại hoặc chiếm hữu nô lệ) ở các khu vực trên thế giới, hoặc là thời đại của những nền văn minh đầu tiên của nhân loại. Trong từng nước, khung thời gian của thời cổ đại thường không khớp

nhau. Ở Việt Nam, nhiều người quan niệm cổ đại là thời đại của những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay (Văn Lang – Âu Lạc, Phù Nam và Champa), trong khoảng thiên niên kỉ I trước Công nguyên và thiên niên kỉ I sau Công nguyên.

– *Trung đại* là thời kì lịch sử nằm sau cổ đại và trước cận đại, "thời kì ở giữa" theo nghĩa tiếng Anh "Middle Age", hay tiếng Pháp "Moyen Age". Người Tây Âu hiểu "ở giữa" là giữa cổ đại và thời của họ, mà họ gọi là "Thời mới" ("Temps moderne"). Về niên đại cụ thể, có người coi là từ sự sụp đổ của đế quốc La Mã (476) đến cuộc phát kiến địa lí đầu tiên (1488). Từ điển "Larousse" giải thích: trung đại là thời gian từ năm 395 (khi đế quốc La Mã bị chia làm hai, Đông và Tây đế quốc La Mã) đến năm 1453 (khi người Turk chiếm Constantinople và cản trở đường tiếp xúc của châu Âu với phương Đông). Nếu hiểu theo xuất xứ của từ ngữ thì ý nghĩa và niên điểm của trung đại chỉ có thể ứng với lịch sử Tây Âu. Về sau, nhiều nhà sử học gắn ý nghĩa của thời trung đại với một thời kì phát triển kinh tế – xã hội mà nội dung của nó là thời kì tồn tại chủ yếu của chế độ phong kiến. Như thế, vấn đề sẽ phức tạp hơn vì năm bắt đầu và kết thúc của chế độ phong kiến ở mỗi nước khác nhau. Mốc kết thúc ở châu Âu có thể là thế kỉ XVI (Hà Lan) hoặc XVII (Anh) hoặc XVIII (Pháp), còn ở châu Á nói chung là thế kỉ XIX. Do đó, đối với lịch sử dân tộc, người ta thường thận trọng khi dùng thuật ngữ phân kì lịch sử đại cương.

– *Cận đại* là thuật ngữ chỉ thời kì lịch sử tiếp nối thời trung đại, có liên quan tới thời hiện đại. Có nhiều cách giải thích khác nhau về khung thời gian của lịch sử cận đại thế giới, theo những tiêu chí chính trị và văn minh: hoặc từ khi đế quốc Ottoman xâm chiếm Constantinople (1453) đến Cách mạng tư sản Pháp (1789), hoặc từ Cách mạng tư sản Anh (1640) đến Cách mạng tháng Mười Nga (1917), hoặc từ sau phát kiến địa lí (cuối thế kỉ XV) cho đến trước cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật đương đại (giữa thế kỉ XX). Những nội dung lịch sử cơ bản thường được gắn liền với thời cận đại là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thế giới, cuộc cách mạng công nghiệp – cơ khí, sự ra đời và củng cố các thể chế nhà nước dân chủ, sự xung đột và sự giao lưu giữa hai nền văn minh Đông – Tây. Ở các nước phương Đông, thời cận đại thường được quan niệm bắt đầu bằng sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân Âu – Mỹ với những nội dung chính: quá trình xâm lược và chống xâm lược, sự chuyển biến hình thái kinh tế – xã hội theo chiều hướng tư bản chủ nghĩa, quá trình cải cách và cách mạng của những cơ cấu quyền lực chính trị. Đối với Việt Nam, khung thời gian của lịch sử cận đại được nhiều người chấp nhận là từ khi Pháp bắt đầu xâm lược (1858) cho tới Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trong tiếng Việt, thuật ngữ này theo nghĩa hẹp chỉ tương ứng với "hậu kì cận đại" (late modern period) bắt đầu vào giữa thế kỉ XVIII; theo nghĩa rộng, thuật ngữ này còn bao gồm cả "sơ kì cận đại" (early modern period) bắt đầu vào khoảng năm 1500 hoặc trước đó vài thập kỉ, là thời kì diễn ra những sự kiện như nghệ thuật Phục hưng phổ biến rộng khắp châu Âu, Đế quốc Byzantine sụp đổ và thời đại Ánh sáng. Thời kì cận đại gắn liền với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, những tiến bộ công nghệ và các cuộc cách mạng.

– *Hiện đại* là thuật ngữ chỉ thời kì lịch sử sau thời kì cận đại. Khái niệm về thời kì hiện đại trong lịch sử thế giới còn chưa thống nhất. Nhiều nước trên thế giới thường lấy mốc mở đầu lịch sử hiện đại của mình bằng sự kiện chính trị đánh dấu bước ngoặt lịch sử dân tộc. Ở Pháp, đó là cuộc Cách mạng tư sản 1789. Các nhà sử học mácxít xem Cách mạng tháng Mười Nga 1917 là mốc mở đầu lịch sử hiện đại thế giới. Ở Việt Nam, thời kì lịch sử hiện đại được xác định thống nhất bắt đầu từ Cách mạng tháng Tám 1945.

b) Thuật ngữ địa lí

– *Địa lí tự nhiên* là một nhánh chính của khoa học địa lí, nghiên cứu một cách tổng hợp các thành phần cấu thành nên vỏ địa lí của Trái Đất cũng như các bộ phận riêng biệt của Trái Đất. Địa lí tự nhiên thường được phân chia thành địa lí tự nhiên đại cương nghiên cứu các quy luật chung của vỏ địa lí và các khoa học địa lí tự nhiên bộ phận nghiên cứu các địa quyển (như Địa mạo học nghiên cứu về địa hình; Khí hậu học và Khí tượng học nghiên cứu về khí quyển; Thuỷ văn học nghiên cứu về sông, hồ, nước ngầm; Thổ nhưỡng học nghiên cứu về lớp đất; Địa lí sinh vật nghiên cứu về các quần xã thực vật và động vật, các hệ sinh thái,...). Các địa hệ thống (các tổng hợp thể lãnh thổ địa lí tự nhiên) là đối tượng nghiên cứu của Cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên.

– *Địa lí kinh tế – xã hội* là một nhánh chính của khoa học địa lí, nghiên cứu sự tổ chức lãnh thổ đời sống xã hội ở các nước, các vùng, các địa phương khác nhau. Địa lí kinh tế – xã hội bao gồm địa lí dân cư, địa lí kinh tế và địa lí xã hội.

– *Địa lí dân cư* là một khoa học trong địa lí kinh tế – xã hội, nghiên cứu các quy luật và các đặc điểm không gian hình thành và phát triển của cơ cấu dân cư hiện đại và của các điểm dân cư trong các điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế và xã hội khác nhau.

– *Các công cụ địa lí* là các phương tiện được sử dụng trong quá trình học tập, nghiên cứu địa lí. Số lượng công cụ địa lí ngày càng nhiều hơn, đặc biệt trong điều kiện của cách mạng công nghệ. Trong học tập địa lí, các công cụ sau đây được sử dụng rộng rãi: atlat địa lí và các loại bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, dụng cụ học tập ngoài trời,... Kĩ năng sử dụng các công cụ địa lí là một trong những nền tảng quan trọng để hình thành các năng lực địa lí.

– *Lược đồ trí nhớ (Mental Map)* là thông tin không gian về thế giới, được giữ lại trong trí óc con người. Sự hình thành lược đồ trí nhớ nhìn chung là một quá trình tiềm thức và bắt đầu từ tuổi ấu thơ. Nhờ lược đồ trí nhớ (bản đồ trong não người) mà người xưa từ hàng nghìn năm trước có thể tìm được đường đi đến nơi kiếm thức ăn và trở lại nơi ở của mình. Một đứa trẻ nhờ lược đồ trí nhớ mà có thể đi đến những nơi thân thuộc của bé như nhà của họ hàng, trường học, cửa hàng bán bánh kẹo, đồ chơi, hay sân chơi,...

Lược đồ trí nhớ đặc trưng bởi sự đánh dấu các địa điểm mà một người đã từng gặp, từng đến. Một lược đồ trí nhớ của một người phản ánh sự cảm nhận của người đó về không gian sống (không gian xung quanh) như thế nào, và không gian ấy có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân. Một người cũng có thể xây dựng một lược đồ trí nhớ cho những nơi họ chưa từng đến, ví dụ, một du khách có thể đánh dấu trên sơ đồ các địa điểm họ muốn đến thăm, thông qua tìm hiểu thông tin từ các nguồn khác nhau.

Học sinh học xong địa lí Tổ quốc, hình dung được trong đầu (và vẽ ra theo ý mình) hình dáng lãnh thổ đất nước, các đối tượng địa lí quan trọng, đó cũng là một lược đồ trí nhớ.

c) Từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng các yêu cầu cần đạt

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng liệt kê dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng liệt kê hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học sinh.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	– Kể tên được (các loại khoáng sản); nêu được (một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc; hệ quả của cải cách tôn giáo); phát biểu được định nghĩa (một thuật ngữ, khái niệm); liệt kê được (sự kiện, sự vật, nhân vật); ghi lại/kể lại được; đưa ra được dẫn chứng; lấy ví dụ chứng minh,... – Xác định được (vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời; một/một số đối tượng địa lí trên bản đồ, lược đồ); đặt đúng vị trí (đối tượng trên bản đồ, sơ đồ); điền (vào chỗ trống, ô trống các từ ngữ phù hợp); nối (các đường còn thiếu trong sơ đồ); nối cặp (các từ có quan hệ logic nào đó),... – Tìm kiếm thông tin (bài viết, hình ảnh bằng công cụ tìm kiếm, sử dụng từ khoá); tìm kiếm (đối tượng, đường đi trên bản đồ),...
Hiểu	– Trình bày được (cấu tạo bên trong Trái Đất; sự phân bố đối tượng địa lí); nêu/trình bày được (đặc điểm phân bố các trung tâm công nghiệp chính; những sự kiện chủ yếu); đọc bản đồ, mô tả được (thiên nhiên dọc theo một lát cắt trên bản đồ; các đối tượng địa lí gặp trên một tuyến du khảo bằng đường bộ); vẽ biểu đồ đơn giản (không cần xử lí số liệu); lập được (sơ đồ tiến trình lịch sử, sơ đồ diễn biến chính của cuộc chiến đấu); mô tả được (đời sống vật chất và tinh thần); sử dụng lược đồ (giới thiệu hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí); giới thiệu được (những biến đổi quan trọng về xã hội),... – Phân tích được tác động, mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả (giữa các thành phần/quá trình địa lí tự nhiên; giữa các quá trình kinh tế – xã hội; của tự nhiên lên sản xuất xã hội; của con người lên tự nhiên); phân tích được nguyên nhân thành công hay thất bại (của một biến cố lịch sử, một phong trào); trình bày được (mối quan hệ giữa đô thị và các nền văn minh cổ đại),... – Phân biệt được (các dạng địa hình; phương thức khai thác tự nhiên); so sánh được (đặc điểm khí hậu của hai địa điểm; phân bố dân cư của hai vùng); xếp thứ tự từ cao xuống thấp (mật độ dân số của các tỉnh, thành phố; giá trị sản xuất công nghiệp của các tỉnh/thành phố); nhận định; phân nhóm/lựa chọn được các đối tượng (theo một bộ tiêu chí và chỉ tiêu nào đó; ví dụ lựa chọn các tỉnh có nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế – xã hội, lập luận tại sao lại chọn như vậy); đánh giá được (ý nghĩa và tác động của sự kiện),...

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Vận dụng	– Xác định được (phương hướng ngoài thực địa, giờ địa phương); tìm hiểu (thông qua tài liệu và tham quan) về một vấn đề, một chủ đề lịch sử và địa lí; liên hệ (thực tế địa phương); đặt câu hỏi (về một vấn đề); khám phá,... – Trình bày được (một số biện pháp phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu ở một vùng cụ thể); vận dụng được (điều đã học) vào trường hợp cụ thể, hoàn cảnh cụ thể; đề xuất được (giải pháp); đưa ra được (khuyến nghị). – Xây dựng/vẽ được (lược đồ trí nhớ để tổng kết nội dung bài học, biểu đồ thích hợp); sơ đồ hoá (một hiện tượng, quá trình, mối quan hệ nhân quả); xây dựng được hồ sơ tư liệu (về một vấn đề); đọc Atlat (khai thác thông tin từ các trang bản đồ khác nhau) để trình bày được (một vấn đề về sự phát triển và phân bố một ngành kinh tế, về đặc điểm tự nhiên, kinh tế – xã hội của một lãnh thổ); viết được một báo cáo ngắn (trên cơ sở thu thập và phân tích, tổng hợp thông tin từ các nguồn khác nhau); thuyết trình được về một vấn đề bằng PowerPoint (là kết quả làm việc cá nhân hay làm việc nhóm); tranh luận (về một vấn đề); lên kế hoạch (một chuyến tham quan học tập trong ngày dưới sự chỉ dẫn của giáo viên); thiết kế được (một áp phích về bảo vệ môi trường),...

2. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng dành cho môn học là 105 tiết/lớp/năm học. Số tiết dành cho các mạch nội dung trong bảng sau:

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Địa lí	**52**	**52**	**52**	**52**
Địa lí tự nhiên đại cương	44			
Địa lí các châu lục		40		
Địa lí tự nhiên Việt Nam			39	
Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam				41
Chủ đề chung		4	5	3

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Đánh giá định kì (bao gồm cả ôn tập)	8	8	8	8
Lịch sử	**53**	**53**	**53**	**53**
Thế giới	22	20	20	19
Việt Nam	23	22	21	21
Chủ đề chung		3	4	5
Đánh giá định kì (bao gồm cả ôn tập)	8	8	8	8

3. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, các phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kì phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

- Việc tổ chức dạy học theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí. Đối với các chủ đề chung được bố trí dạy học và kiểm tra đánh giá ở phân môn Lịch sử hoặc Địa lí sao cho phù hợp với đội ngũ giáo viên và điều kiện dạy học của nhà trường. Có thể thực hiện theo gợi ý sau:

+ Phân môn Lịch sử: Đô thị -lịch sử và hiện tại (1); Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (1); Lịch sử và hiện tại (2); Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (2).

+ Phân môn Địa lí: Các cuộc đại phát kiến địa lí; Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (1); Văn minh châu thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long (2); Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo.

- Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn. Nội dung bài kiểm tra, đánh giá định kì phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí tính đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

4. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử và Địa lí bao gồm một số loại hình như sau:

– Các bản đồ giáo khoa treo tường (về thế giới, các khu vực, Việt Nam) phù hợp với nội dung từng chủ đề của từng lớp học và phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh;

– Các tập Atlat địa lí tự nhiên đại cương, Bản đồ địa lí các châu lục và Bản đồ địa lí Việt Nam, tập bản đồ lịch sử;

– Mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...;

– Các mẫu vật về tự nhiên;

– Các tranh ảnh (in trên giấy, hình digital tĩnh và động), các sơ đồ, lược đồ, các video clip được biên tập cho mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung của từng chủ đề;

– Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; Các tờ bài tập (bản đồ, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ);

– Các dụng cụ, thiết bị thông thường để quan sát tự nhiên (địa bàn, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế);

– Một số dụng cụ thực hành, thực địa;

– Các thư viện digital chứa các kho tư liệu dạy học Lịch sử và Địa lí;

– Phần mềm dạy học.

Ở những địa phương có điều kiện nên tổ chức các phòng bộ môn.

Việc sử dụng các thiết bị dạy học có mục đích chủ yếu nhằm tạo điều kiện cơ sở vật chất kĩ thuật để tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm tòi tri thức lịch sử và địa lí của học sinh một cách tích cực, sáng tạo.

5. Về logic phát triển chương trình

Nội dung giáo dục lịch sử của cả ba cấp học khác với chương trình hiện hành ở chỗ hầu như không thiết kế đồng tâm từ thấp lên cao. Ở cấp trung học cơ sở, học sinh sẽ được học lịch sử từ nguyên thuỷ cho đến ngày nay. Do đó, những sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu của lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc được sắp xếp theo lịch đại. Sự khác biệt về mức độ trong chương trình trung học cơ sở không phải chỉ ở khối lượng nội dung, ở chi tiết các sự kiện lịch sử, mà điều chủ yếu là mức độ nhận thức rất cơ bản về bản chất của các sự kiện lịch sử, về nguyên nhân của các biến chuyển lịch sử, của sự đa

dạng các mô hình xã hội, về lí luận nhận thức xã hội và ở sự chú trọng rèn luyện các kĩ năng học tập, vận dụng kiến thức vào các tình huống mới.

Ở cấp trung học cơ sở, căn cứ vào tâm lí lứa tuổi của học sinh và đặc điểm môn học, phân môn Địa lí được phát triển theo logic: từ địa lí tự nhiên đại cương ở lớp 6 đến địa lí các châu lục ở lớp 7, sau đó đến địa lí tự nhiên Việt Nam (lớp 8) và địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (lớp 9). Logic này đảm bảo khi hoàn thành chương trình môn học ở trung học cơ sở, học sinh sẽ có kiến thức cơ bản và phổ thông về địa lí học, đặc biệt là về địa lí Việt Nam để học tiếp trung học phổ thông hay tham gia lao động.

Trong dạy học địa lí, quá trình hình thành khái niệm cơ bản thường là đi từ biểu tượng địa lí đến khái niệm địa lí. Việc hình thành biểu tượng địa lí càng có ý nghĩa quan trọng đối với các học sinh học sinh lớp 6, lớp 7; bảo đảm cho học sinh dễ ghi nhớ các biểu tượng và các khái niệm, kết nối được khái niệm với cuộc sống thực tế. Hình thành khái niệm cơ bản là một quá trình, trong một số trường hợp phải thông qua nhiều bài, nhiều chương. Có những khái niệm được hình thành từng bước trong cả một cấp học, một chương trình môn học. Đây là điều mà giáo viên cần lưu ý khi dạy học, để tránh quá tải ở lớp dưới, và tạo sự liên kết dọc giữa các lớp. Nhiều khái niệm địa lí tự nhiên đại cương chỉ được hình thành bước đầu ở lớp 6, sau đó được phát triển thêm ở lớp 7, lớp 8. Ví dụ, khái niệm về hoàn lưu khí quyển ở lớp 6 chỉ được trình bày qua sơ đồ về các vành đai khí áp và gió. Khái niệm về hoàn lưu khí quyển được sử dụng và phát triển khi học sinh học Địa lí 7, chẳng hạn như hoàn lưu gió mùa được nói đến ở khu vực châu Á gió mùa. Còn các khái niệm liên quan đến front hay hội tụ nhiệt đới có thể được sử dụng khi học sinh học ở lớp 8, lớp 9 về địa lí Việt Nam. Một số khái niệm về địa lí kinh tế - xã hội có thể được đề cập ở chừng mực đơn giản ở lớp 7, được sử dụng ở cấp độ cao hơn khi học về địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam ở lớp 9. Những khái niệm có tính liên môn càng đòi hỏi thời gian dài hơn để hình thành và phát triển.

6. Tích hợp trong dạy học

a) Tích hợp nội môn

Tích hợp nội môn được hiểu là tích hợp các nội dung thuộc cùng môn học theo các chủ đề, các chương, bài cụ thể nhất định. Đây chính là việc hệ thống hoá theo từng khối kiến thức, nhằm làm nổi bật tư tưởng chủ đạo của nội dung môn học. Tích hợp nội môn còn thể hiện ở cấu trúc môn học bảo đảm thuận lợi cho việc hệ thống hoá kiến thức môn học.

Tích hợp nội môn ở phân môn Lịch sử thể hiện rõ mối quan hệ giữa bản chất của khoa học lịch sử với những ưu tiên trong giáo dục lịch sử. Trục xuyên suốt Chương trình Lịch sử ở trung học cơ sở là lịch đại (thời gian), vì thế, ở mỗi giai đoạn lịch sử đều thiết kế theo mô hình: lịch sử thế giới – lịch sử khu vực – lịch sử Việt Nam – lịch sử địa phương, trong đó lấy lịch sử Việt Nam làm trọng tâm. Ở lớp 6, học sinh học về lịch sử thế giới và Việt Nam từ thời nguyên thuỷ đến thời cổ đại, ở lớp 7 học về lịch sử thế giới và Việt Nam thời cổ đại đến thời trung đại, ở lớp 8 học về lịch sử thế giới và Việt Nam từ thời trung đại đến thời cận đại, ở lớp 9 học về lịch sử thế giới và Việt Nam thời hiện đại. Việc đặt lịch sử Việt Nam trong bối cảnh của lịch sử thế giới và khu vực trong những thời đại và giai đoạn lịch sử nhất định không chỉ giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn lịch sử dân tộc, mà còn giúp học sinh hiểu đúng vị trí của Việt Nam trong tiến trình lịch sử nhân loại, những đóng góp của dân tộc Việt Nam đối với những tiến bộ của xã hội loài người, từ đó xây dựng niềm tự hào dân tộc và ý thức dân tộc chính đáng. Cấu trúc chương trình cũng tạo điều kiện để gắn kết lịch sử địa phương với lịch sử dân tộc, lịch sử quân sự - chính trị - ngoại giao - kinh tế - văn hoá với nhau.

Tích hợp trong khoa học địa lí và trong dạy học Địa lí là tích hợp đa tầng và đa chiều, không đơn giản là tích hợp "song phương" giữa Địa lí và một môn học nhất định. Khi học Địa lí, dù ở quy mô các châu lục đến quy mô Việt Nam và các địa phương, học sinh đều tìm hiểu từ đặc điểm môi trường và tài nguyên thiên nhiên; điều kiện dân cư - xã hội (có thể cả điều kiện về lịch sử, văn hóa, thể chế) cho đến các ngành kinh tế và các trung tâm kinh tế. Những hiểu biết này không để rời rạc, mà đặt trong sự tương tác, ví dụ điều kiện tự nhiên và cơ sở tài nguyên bị biến đổi do khai thác kinh tế và sự biến đổi này tác động trở lại đến nền kinh tế, đến dân cư, quần cư và đến tận thượng tầng kiến trúc; chính sách phát triển sẽ tác động đến sự phân bố dân cư, cơ cấu kinh tế theo ngành và lãnh thổ, môi trường và cơ sở tài nguyên của quốc gia và từng vùng,... Điều này chỉ ra rằng tích hợp nội môn và liên môn trong dạy học Địa lí là rất lớn, có thể vận dụng từ thấp đến cao. Trong mọi trường hợp đều có khả năng thực hiện tích hợp nội môn và điều này làm tăng chất lượng dạy học Địa lí, tăng hứng thú cho học sinh khi học Địa lí.

b) Tích hợp lịch sử - địa lí trong nội dung cụ thể của chương trình

Sự bổ sung lẫn nhau giữa tư duy lịch sử và tư duy địa lí khi học Lịch sử đòi hỏi học sinh biết đặt các sự kiện lịch sử trong các bối cảnh địa lí, biết đánh giá tác động của các nhân tố địa lí đối với tiến trình lịch sử. Đối với sự hình thành các xã hội cổ đại, các vương quốc cổ, đó là các điều kiện cổ địa lí của chính thời đại đó. Vì thế, ngay ở chương trình lớp 6, trong

nội dung dạy học về xã hội cổ đại (Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại, Ấn Độ cổ đại, Trung Quốc cổ đại, Hy Lạp và La Mã cổ đại), về sự hình thành các vương quốc cổ ở Đông Nam Á, các nhân tố địa lí đã được chọn lọc để lí giải sự hình thành các xã hội cổ đại và các vương quốc cổ này. Việc sử dụng thường xuyên các bản đồ lịch sử trong dạy học sẽ nâng cao chất lượng dạy học Lịch sử.

Sự bổ sung lẫn nhau giữa tư duy lịch sử và tư duy địa lí đòi hỏi học sinh khi học Địa lí biết phân tích tầm cỡ ảnh hưởng của các sự kiện lịch sử đối với các quá trình địa lí, phân tích các đối tượng địa lí trong sự vận động và phát triển, biết đặt các phân tích địa lí trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Khi xem xét một hiện tượng địa lí có quá trình hình thành, phát triển, biến đổi, suy thoái là đã thấm nhuần quan điểm lịch sử. Ở lớp 6, với chủ đề "Con người và thiên nhiên", học sinh bước đầu nhận thức được mối tác động qua lại giữa thiên nhiên và đời sống con người, sự cần thiết phải bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên. Những kiến thức về lịch sử xã hội loài người được khai thác từ các bài Lịch sử đã được lồng ghép ở các bài Địa lí 7 (Đặc điểm dân cư, xã hội, bản đồ chính trị của các châu lục), Địa lí 8 (Biển đảo Việt Nam), và Địa lí 9.

c) Tích hợp theo các chủ đề

Chương trình có một số chủ đề tích hợp giữa lịch sử và địa lí với thời lượng phù hợp ở các lớp. Nội dung các chủ đề này được trình bày cụ thể ở Khoản 6.

d) Kết hợp giáo dục các vấn đề xuyên môn (môi trường, giới, phát triển bền vững,...)

Do bản chất của khoa học địa lí có tính tích hợp cao, nên chương trình môn Lịch sử và Địa lí chứa đựng khả năng tích hợp nhiều chủ đề cần thiết, có tính thời sự và cũng có ý nghĩa lâu dài như giáo dục môi trường, giáo dục dân số, giáo dục về giới, giáo dục vì sự phát triển bền vững,... Việc tích hợp đúng mức trong giáo dục về các vấn đề có liên quan, khai thác những thế mạnh của địa lí học, sẽ không ảnh hưởng đến giáo dục địa lí, mà ngược lại, làm cho nội dung dạy học địa lí trở nên sinh động, thiết thực, hấp dẫn hơn.

Những nội dung tích hợp này có thể đưa vào địa lí đại cương (lớp 6), địa lí Việt Nam (lớp 8, lớp 9).

7. Dạy học các chủ đề tích hợp lịch sử - địa lí

a) Triển khai chủ đề gắn với từng phân môn, với mức độ kiến thức lịch sử, địa lí khác nhau

Trong Chương trình Lịch sử và Địa lí, phân môn Địa lí chọn cách tiếp cận về không gian, nên chọn cách thiết kế chương trình theo logic đại cương – thế giới – Việt Nam và cuối cùng là địa lí địa phương. Còn Lịch sử chọn cách tiếp cận theo tiến trình lịch sử, nên thiết kế chương trình theo logic nguyên thuỷ – cổ đại – trung đại – cận đại – hiện đại. Cách làm này khai thác thế mạnh của mỗi phân môn và tuỳ theo thiết kế của phân môn mà một chủ đề có thể dạy vào thời điểm thích hợp của mỗi phân môn.

b) Triển khai chủ đề tích hợp lịch sử - địa lí

Việc xây dựng chủ đề chung, tích hợp lịch sử - địa lí dựa trên những nội dung gần nhau, giao nhau.

Trong chương trình môn Lịch sử và Địa lí, các chủ đề được lựa chọn là: Các cuộc đại phát kiến địa lí; Đô thị: Lịch sử và hiện tại; Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Dạy học các chủ đề tích hợp lịch sử - địa lí là tạo ra không gian môn học, ở đó học sinh có thể vận dụng các khái niệm cơ bản của lịch sử và địa lí, tìm hiểu thêm các tư liệu lịch sử và địa lí dưới sự hướng dẫn của giáo viên, rèn luyện tư duy lịch sử và tư duy địa lí.

– Chủ đề Các cuộc đại phát kiến địa lí: Các cuộc đại phát kiến địa lí có ý nghĩa hết sức to lớn về lịch sử giao thương trên thế giới, trong đó nổi bật là cuộc thám hiểm của Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 –1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522). Hai cuộc đại phát kiến địa lí này đã mở đầu cho thời kì thực dân hoá các vùng đất mới, đánh dấu thời kì phát triển mới của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa, và cũng đánh dấu thời kì đầu của toàn cầu hoá. Đối với địa lí học, nhờ các phát kiến địa lí cả về sau này (chuyến đi vòng quanh thế giới (1831 – 1836) của nhà bác học Charles Darwin và học thuyết tiến hoá các loài), địa lí học đã bước vào thời kì tích luỹ các dữ kiện khổng lồ về Trái Đất, phát triển nền địa lí học hiện đại cũng như các khoa học Trái Đất khác. Các cuộc đại phát kiến địa lí được đề cập ở cả phân môn Địa lí và phân môn Lịch sử, đồng thời được tổ chức thành một chủ đề chung ở lớp 7

– Chủ đề Đô thị: Lịch sử và hiện tại. Chủ đề này được dạy một phần ở lớp 7 và trọng tâm ở lớp 9. Đây là chủ đề được đề cập trong nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, từ cổ đại, trung đại đến cận đại và hiện đại.

Ở lớp 7, học sinh được học về các đô thị cổ đại và các nền văn minh cổ đại; các đô thị trung đại châu Âu và giới thương nhân (tương ứng với các thời đại lịch sử); đô thị và đô thị hoá (khi học địa lí các châu lục); một số xu hướng đô thị hoá trên thế giới (châu Âu, châu Á, châu Mỹ).

Ở lớp 9, học sinh được học sâu hơn về đô thị hoá trên thế giới. Học sinh hiểu được rằng các đô thị hiện đại là nơi tập trung quyền lực và các nguồn lực phát triển; đô thị hoá tạo ra động lực mạnh mẽ của sự phát triển, nhưng đô thị hoá không phù hợp có thể làm tăng thêm sự bất bình đẳng trong phát triển vùng; việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã thúc đẩy đô thị hoá ở Việt Nam.

– Chủ đề Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long: Chủ đề này được dạy ở lớp 8 và lớp 9. Chủ đề này có nội dung lịch sử và văn hoá nhiều hơn, nhưng tích hợp kiến thức địa lí. Ở lớp 8, học sinh tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển châu thổ, chế độ nước của các dòng sông chính, quá trình con người khai khẩn và cải tạo, chế ngự tự nhiên cũng như thích ứng với môi trường thiên nhiên, từ đó hình thành nên các nền văn hoá đặc sắc ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. Ở lớp 9, học sinh hiểu được tại sao ở đồng bằng sông Hồng, ông cha ta chọn việc đắp đê, trị thuỷ kết hợp thuỷ lợi (dẫn thuỷ nhập điền); còn ở đồng bằng sông Cửu Long, ông cha ta lại chọn chung sống với lũ, cùng nhiều vấn đề khác về sự khác biệt của hai nền văn minh châu thổ. Học sinh có dịp tìm hiểu, quan tâm đến tác động của biến đổi khí hậu đối với hai vùng châu thổ, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long.

– Chủ đề Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông: Chủ đề này được thiết kế một phần ở lớp 8 và một phần lớn hơn ở lớp 9. Những nội dung trong chủ đề này đan xen giữa Lịch sử và Địa lí.

Ở lớp 8, học sinh được nghiên cứu về quá trình các chúa Nguyễn và các vua Nguyễn xác lập chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, những bằng chứng về quá trình này, khẳng định "Biển là không gian sinh tồn của dân tộc Việt".

Ở lớp 9, học sinh được nghiên cứu tiếp về quá trình thực thi chủ quyền đối với các vùng biển và hải đảo Việt Nam thời hiện đại. Ở góc độ địa lí, học sinh có các khái niệm cơ bản về các vùng biển và thềm lục địa mà Việt Nam khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền, đặc quyền kinh tế theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) và Luật Biển Việt Nam; vai trò chiến lược của hệ thống đảo nước ta trong việc khẳng định chủ quyền và quyền chủ quyền vùng biển và vùng thềm

lục địa; cuộc đấu tranh để bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; vai trò của kinh tế biển trong nền kinh tế Việt Nam hiện đại và trong việc phát huy chủ quyền biển đảo.